TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 25 - 4 - 2019

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thái

2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang*:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Lệ T, sinh năm: 1993 "có mặt".

Địa chỉ: Ấp 5, xã V, huyện I, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thanh Th (Phạm Văn Th1), sinh năm: 1988 "có đơn đề nghị vắng mặt".

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Lệ T là nguyên đơn trình bày:

Hôn nhân giữa chị và anh Th do hai bên tự nguyện, kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện R, chung sống đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp, cuộc sống hằng ngày thường cự cãi nhau. Tháng 12 năm 2015, chị bỏ nhà đi sống ly thân với anh Th cho đến nay.

Quá trình sống chung chị và anh Th có 01 người con chung là cháu Phạm Chí V1, sinh ngày 20/11/2012, do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong thời gian sống chung chị và anh Th không tạo lập được tài sản chung và cũng không phát sinh nợ chung.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Th;

Về con chung: Đồng ý để anh Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu V1, chị không cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Thanh Th (Phạm Văn Th1) trình bày:

Việc chị T trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống nên chị T bỏ nhà đi sống ly thân với anh từ tháng 12 năm 2015 cho đến nay.

Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý; Về con chung anh đồng ý tiếp tục nuôi cháu V1, anh có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu chị T cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Lệ T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Phạm Thanh Th. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Thanh Th là bị đơn cư trú tại huyện R, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Phạm Thanh Th có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 04/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện R, tỉnh Kiên Giang đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị có những mâu thuẫn không thể tự giải quyết được và không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2015 cho đến nay. Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do anh Th có đơn đề nghị vắng mặt. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn và anh Th cũng đồng ý. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh Th là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh Th xác định có một người con chung là cháu Phạm Chí V1, sinh ngày 20/11/2012, chị T đồng ý để anh Th nuôi con chung và anh Th cũng thống nhất. Do đó, giao cháu V1 cho anh Th nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Th không yêu cầu, trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp chận cho chị Trần Lệ T được ly hôn với anh Phạm Thanh Th (Phạm Văn Th1).

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Chí V1, sinh ngày 20/11/2012 cho anh Phạm Thanh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị Trần Lệ T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Th không yêu cầu, trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Lệ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007125 ngày 20/8/2018 của Chi cục T hành án dân sự huyện R, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án là ngày 25/4/2019; Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh;
-VKS ND huyện;
-THA Huyện;
-UBND xã;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Danh Thanh Phát